

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 863/2019/LĐ-PT

Ngày: 01 - 10 - 2019

V/v Tranh chấp về tiền lương, trợ cấp thôi
việc, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp,
tiền thuế thu nhập cá nhân, chi phí đào tạo

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Thoa

Các Thẩm phán:

Ông Trương Văn Hiền

Bà Phan Thị Út

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Hỷ Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Tôn Mạnh Hùng – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13 tháng 8, ngày 4, ngày 24 tháng 9 và 01 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 76/2018/TLPT-LĐ ngày 18 tháng 12 năm 2018 về việc “Tranh chấp về tiền lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, tiền thuế thu nhập cá nhân, chi phí đào tạo”.

Do Bản án lao động sơ thẩm số 47/2018/LĐ-ST ngày 08/11/2018 của Tòa án nhân dân Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3251/2019/QĐ-PT ngày 18/7/2019, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 6338/2019/QĐ-PT ngày 13/8/2019 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 7142/2019/QĐ-PT ngày 04/9/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Hoàng K, sinh năm 1988; Cư trú tại: Ấp K, xã T, huyện C, tỉnh T; địa chỉ liên hệ tại: 710/53/13 đường B, phường T, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt khi tuyên án);

Người đại diện theo ủy quyền: Bà La T1, sinh năm 1988; Cư trú tại: 710/53/13 đường B, phường T, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền

số công chứng 013589 ngày 20/11/2018 tại Văn phòng công chứng V, Thành phố Hồ Chí Minh) (có mặt).

Bị đơn: Công ty B.

Trụ sở tại: 24 đường L, N, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thanh T2, sinh năm 1980 - Chức vụ: Tổng Giám đốc; Cư trú tại: 24 đường L, N, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn T3, sinh năm 1993; Cư trú tại: 24 đường L, N, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền ngày 04/5/2019 của Công ty B) (có mặt).

Người kháng cáo: Nguyên đơn- ông Lê Hoàng K và bị đơn- Công ty B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là ông Lê Hoàng K có người đại diện theo ủy quyền là ông Dương Anh K1 trình bày:

Ông Lê Hoàng K làm việc tại Công ty B (sau đây viết tắt là Công ty B) từ tháng 05/2010 đến ngày 28/04/2017 theo Hợp đồng lao động số 56/2010/HĐLĐ-SIAC ngày 13/07/2010 và Hợp đồng lao động số 24/2012/HĐLĐ-SIAC-TNB ngày 02/01/2012, công việc của ông K là Trưởng phòng bất động sản, mức lương là 26.569.000 đồng/tháng. Ngày 23/03/2017, ông K nộp đơn xin nghỉ việc, ngày 28/04/2017 ông K chính thức nghỉ việc và bàn giao lại toàn bộ công việc cho công ty. Tuy nhiên phía Công ty B đã không thanh toán đầy đủ các khoản tiền theo quy định cho ông K. Ông K đã liên lạc với công ty nhiều lần nhưng không được giải quyết. Do đó, ông Lê Hoàng K khởi kiện yêu cầu Công ty B phải trả cho ông K:

1. Các khoản tiền:

- Tiền lương tháng 04/2017: 26.569.000 đồng và tiền lãi: 2.656.900 đồng; (Theo Điều 96 của Bộ luật Lao động, tiền lãi về việc chậm trả tiền lương tính từ tháng 04/2017 đến tháng 09/2018 là 17 tháng: 26.569.000 đồng x 9%/năm x 17 tháng = 3.387.000 đồng (lấy tròn) nhưng ông K vẫn giữ yêu cầu tiền lãi theo đơn khởi kiện là 2.656.900 đồng).

- Tiền đóng các khoản bảo hiểm từ tháng 02/2017 đến tháng 04/2017: 4.418.000 đồng và tiền lãi: 441.800 đồng;

(Vì trên dữ liệu T3 tin bảo hiểm chưa thấy Công ty B đóng bảo hiểm cho ông K những tháng này).

- Tiền Bảo hiểm thất nghiệp: 15.997.000 đồng và tiền lãi: 1.599.700 đồng. (Do Công ty B chưa đóng đủ tiền bảo hiểm nên ông K không nhận được bảo hiểm thất nghiệp theo quy định tại Điều 49, 50 Luật việc làm 2014 với mức nhận là 60% của 06 tháng lương cơ bản).

Tổng cộng là: 51.682.400 đồng.

Riêng về tiền trợ cấp thôi việc ông K có yêu cầu trong đơn khởi kiện thì ông K rút lại yêu cầu buộc Công ty B phải trả.

2. Các văn bản, chứng chỉ:

- Thẻ thăm định viên về giá số X15.1331;
- Chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành thăm định giá;
- Giấy chứng nhận cập nhật kiến thức về thăm định;
- Bằng khen của Bộ tài chính;
- Quyết định miễn nhiệm cán bộ;
- Quyết định thôi việc số 31/2017/QĐ-SIAC-TNB ngày 28/04/2017.

Về yêu cầu phản tố của Công ty B yêu cầu ông Lê Hoàng K phải trả tiền thuế thu nhập cá nhân năm 2015, năm 2016, năm 2017 và bồi thường 1,5 lần chi phí đào tạo thăm định viên về giá, tổng cộng là 97.096.748 đồng. Ông K không chấp nhận vì không có cơ sở.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn rút các yêu cầu Công ty B phải trả gồm:

- Tiền lãi của tiền lương tháng 4/2017: 2.656.900 đồng;
- Tiền đóng các khoản bảo hiểm từ tháng 02/2017 đến tháng 04/2017: 4.418.000 đồng và tiền lãi: 441.800 đồng;
- Tiền Bảo hiểm thất nghiệp: 15.997.000 đồng và tiền lãi: 1.599.700 đồng.
- Tiền trợ cấp thôi việc năm 2010: 2.220.333 đồng và tiền lãi: 222.033 đồng (trong quá trình giải quyết vụ án đã rút yêu cầu này).

- Các văn bản chứng chỉ: Chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành thăm định giá; Giấy chứng nhận cập nhật kiến thức về thăm định; Bằng khen của Bộ tài chính; Quyết định miễn nhiệm cán bộ; Quyết định thôi việc số 31/2017/QĐ-SIAC-TNB ngày 28/04/2017.

Về yêu cầu phản tố của bị đơn, ông K không chấp nhận vì không có cơ sở. Nội dung này ông K đã trình bày rõ tại văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu phản tố của bị đơn ngày 10/08/2018 và ngày 19/08/2018.

Tại đơn phản tố, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, Công ty B có người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Minh HI (trước đây) và ông Trịnh Công S trình bày:

Công ty B xác nhận có ký Hợp đồng lao động số 24/2012/HĐLĐ-SIAC-TNB ngày 02/01/2012 với ông Lê Hoàng K, loại hợp đồng không xác định thời hạn. Ngày 23/03/2017, ông K làm đơn xin nghỉ việc và được công ty chấp nhận nên ngày 28/04/2017 ông K chính thức nghỉ việc.

- Về các khoản tiền ông K yêu cầu: Công ty B chỉ đồng ý trả cho ông K tiền lương tháng 04/2017 theo hợp đồng lao động và phụ lục hợp đồng đã ký là

4.260.000 đồng. Những yêu cầu khác của ông K, Công ty B không chấp nhận bởi lẽ: Công ty B đã chốt sổ bảo hiểm xã hội cho ông K đến thời điểm ông K nghỉ việc là tháng 04/2017 theo quy định; Tiền Bảo hiểm thất nghiệp là do cơ quan bảo hiểm chi trả chứ không phải nghĩa vụ của Công ty B.

- Về yêu cầu trả lại các văn bằng, chứng chỉ: Công ty B chỉ giữ của ông K duy nhất một Thẻ thăm định viên về giá do khi bàn giao công việc ông K để quên tại phòng làm việc, Công ty B sẽ trả lại cho ông K. Còn những văn bằng, chứng chỉ khác ông K nêu, Công ty B không giữ của ông K.

Công ty B có phản tố, yêu cầu ông Lê Hoàng K phải trả tiền thuế thu nhập cá nhân năm 2015, năm 2016, năm 2017 và tiền lãi là 79.971.747 đồng; bồi thường 1,5 lần chi phí đào tạo thăm định viên về giá là 17.125.001 đồng, tổng cộng số tiền là 97.096.748 đồng. Công ty rút lại yêu cầu ông K phải trả tiền lãi trên số tiền thuế thu nhập cá nhân.

Tại Bản án lao động sơ thẩm số 47/2018/LĐ-ST ngày 08/11/2018 của Tòa án nhân dân Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

- Căn cứ khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 62, 90, 96, 201, 202 của Bộ luật Lao động;

- Căn cứ Điều 21, 24 Nghị định 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật Lao động;

- Căn cứ T3 tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ tài chính hướng dẫn, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hoàng K.

Công ty B có nghĩa vụ trả cho ông Lê Hoàng K số tiền lương là 26.567.900 đồng (hai mươi sáu triệu, năm trăm sáu mươi bảy nghìn, chín trăm đồng) và 01 (một) Thẻ thăm định viên về giá tên Lê Hoàng K, số X15.1331 của Bộ tài chính cấp ngày 28 tháng 12 năm 2015.

Việc trả tiền và trả thẻ thực hiện ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi ông Lê Hoàng K có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nói trên, hàng tháng Công ty B còn phải trả thêm một khoản tiền bằng số tiền trả chậm nhân với lãi suất trần huy động tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm trả lương. Khi

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam không qui định trần lãi suất thì được tính theo lãi suất huy động tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng của ngân hàng thương mại, nơi doanh nghiệp, cơ quan mở tài khoản giao dịch T3 báo tại thời điểm trả lương.

2. Đình chỉ giải quyết việc ông Lê Hoàng K yêu cầu Công ty B phải trả tiền bảo hiểm xã hội, tiền trợ cấp thất nghiệp, tiền trợ cấp thôi việc, các văn bằng chứng chỉ do ông K đã rút.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của Công ty B.

Ông Lê Hoàng K có nghĩa vụ trả cho Công ty B tiền thuế thu nhập cá nhân của ông K năm 2015; năm 2016; tháng 1, tháng 2, tháng 3 của năm 2017 số tiền là 74.327.225 đồng (bảy mươi bốn triệu, ba trăm hai mươi bảy nghìn, hai trăm hai mươi lăm đồng) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi Công ty B có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nói trên, hàng tháng ông Lê Hoàng K còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty B về yêu cầu ông Lê Hoàng K phải trả chi phí đào tạo thẩm định viên về giá số tiền là 17.125.001 đồng (mười bảy triệu, một trăm hai lăm nghìn, không trăm lẻ một đồng).

5. Về án phí:

Ông Lê Hoàng K chịu án phí lao động sơ thẩm số tiền là 2.229.816 đồng (hai triệu, hai trăm hai mươi chín nghìn, tám trăm mười sáu đồng).

Công ty B phải chịu án phí lao động sơ thẩm số tiền là 1.310.787 đồng (một triệu, ba trăm mười nghìn, bảy trăm tám mươi bảy đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.456.500 đồng (một triệu, bốn trăm năm mươi sáu nghìn, năm trăm đồng) theo biên lai số: AA/2017/0016116 ngày 26/07/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh. Trả lại cho Công ty B số tiền 145.713 đồng (một trăm bốn mươi lăm nghìn, bảy trăm mười ba đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền thi hành án

Ngày 21 tháng 11 năm 2018, nguyên đơn - ông Lê Hoàng K có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án lao động sơ thẩm vì cho rằng Tòa cấp sơ thẩm không đánh giá đúng bản chất sự việc, giải quyết vụ án không khách quan, không đúng quy định của pháp luật gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Ngày 22 tháng 11 năm 2018, bị đơn - Công ty B kháng cáo đối với phần tiền lương tòa cấp sơ thẩm buộc công ty phải trả cho nguyên đơn và yêu cầu nguyên đơn trả chi phí đào tạo cho bị đơn nhưng không được tòa sơ thẩm chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, không rút đơn kháng cáo. Bị đơn không rút yêu cầu phản tố và không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Nguyên đơn - ông Lê Hoàng K trình bày:

Ông K không đồng ý yêu cầu kháng cáo của bị đơn về tiền lương kỳ 2 tháng 4/2017 phải trả cho nguyên đơn vì tiền lương năm 2015 đến năm 2017 tương đối ổn định, không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của công ty. Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn về bồi thường chi phí đào tạo là không đúng vì đây không phải là chi phí đào tạo quy định tại thỏa ước lao động tập thể mà là khoản phí để tham dự kỳ thi. Nguyên đơn không nhận được quyết định số 52/2014/QĐ-SIAC-TNB ngày 25/9/2014 và Quyết định số 36/2014/ QĐ-SIAC-TNB ngày 25/9/2014 về việc cử nhân viên tham dự kỳ thi thẩm định viên, chỉ biết là các nhân viên của công ty đi thi đều được công ty hỗ trợ toàn bộ kinh phí dự thi. Nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo về tiền lương và chi phí đào tạo của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên như bản án sơ thẩm.

Nguyên đơn không đồng ý thanh toán thuế thu nhập cá nhân cho bị đơn như quyết định của bản án sơ thẩm vì nghĩa vụ nộp thuế thu nhập là nghĩa vụ của doanh nghiệp, đã được khấu trừ vào thu nhập của người lao động. Đối với thuế thu nhập cá nhân năm 2017, nguyên đơn yêu cầu bị đơn cung cấp các chứng từ khấu trừ thuế để nguyên đơn tự nộp thuế thu nhập cá nhân cho cơ quan thuế. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại nghĩa vụ nộp án phí của nguyên đơn vì việc chậm nộp thuế không phải lỗi của nguyên đơn (tiền thuế phải được khấu trừ trước khi trả lương cho người lao động). Nguyên đơn thống nhất với các số liệu về thu nhập, thu nhập chịu thuế cá nhân của nguyên đơn các năm 2015, năm 2016 và 2017 mà bị đơn đã trình bày tại phiên tòa phúc thẩm.

Nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn và sửa phần nghĩa vụ nộp án phí theo hướng nguyên đơn không phải nộp án phí.

* Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn - ông Lê Văn T3 trình bày:

Đối với tiền lương của ông K kỳ 2 tháng 4/2017: Công ty không đồng ý trả cho ông K vì tháng 4/2017 ông K chỉ bàn giao công việc mà không làm gì để tạo ra lợi nhuận và doanh thu cho công ty.

Đối với việc bồi thường chi phí đào tạo: Ông K đã được công ty cử đi đào tạo để được cấp thẻ thẩm định viên. Ông K không thực hiện đúng quy định tại Điều 13 thỏa ước lao động tập thể và các Quyết định số 52/2014/QĐ-SIAC-TNB ngày 25/9/2014 và Quyết định số 36/2014/ QĐ-SIAC-TNB ngày 25/9/2014 về việc cử nhân viên tham dự kỳ thi thẩm định viên. Do đó, ông K phải có nghĩa vụ bồi thường cho công ty số tiền là 17.125.001 đồng.

Đối với tiền thuế thu nhập cá nhân: Công ty đã nộp thuế thu nhập cá nhân thay ông K năm 2015 và năm 2016 vào kho bạc nhà nước là 52.370.210 đồng. Riêng năm 2017, thu nhập của ông K là 195.000.000 đồng, thu nhập chịu thuế 139.227.000 đồng, số thuế thu nhập cá nhân năm 2017 ông K phải nộp cho cơ quan thuế là 21.000.000 đồng. Công ty chưa nộp thuế thu nhập cá nhân năm 2017 cho cơ quan thuế. Tuy nhiên, công ty vẫn yêu cầu ông K thanh toán cho công ty thì công ty mới cung cấp cho ông K các chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân cho ông K.

Công ty đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu trả tiền lương của nguyên đơn, chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở phúc thẩm như sau:*

- Về thủ tục tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong giai đoạn phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung vụ án:

Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, sửa một phần Bản án sơ thẩm số 47/2018/LĐ-ST ngày 08/11/2018 của Tòa án nhân dân Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn về việc yêu cầu nguyên đơn trả tiền thuế thu nhập năm 2015, năm 2016, không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về việc yêu cầu nguyên đơn trả chi phí đào tạo và thuế thu nhập cá nhân năm 2017.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông Lê Hoàng K và đơn kháng cáo của Công ty B trong hạn luật định nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung:

** Xét kháng cáo của bị đơn - Công ty B*

- Về tiền lương kỳ 2 tháng 4/2017 của nguyên đơn:

Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất ông K làm việc tại Công ty B đến hết tháng 4/2017. Hàng tháng, công ty trả lương cho ông K theo hai kỳ: Kỳ 1: trả lương cơ bản số tiền 4.260.000 đồng, kỳ 2 trả lương doanh thu, phụ cấp tiền ăn trưa, phụ cấp điện thoại, phụ cấp chức vụ : 26.569.000 đồng. Tháng 4/2017, ông K chỉ mới

nhận tiền lương kỳ 1 là 4.260.000 đồng, lương kỳ 2 ông K chưa nhận. Ông K yêu cầu Công ty B trả cho ông tiền lương kỳ 2 là 26.569.000 đồng. Công ty không đồng ý trả lương cho ông K kỳ 2 với lý do tháng 4/2017 ông K chỉ bàn giao công việc mà không tạo doanh thu, lợi nhuận cho công ty. Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự đều xác định ông K nhận lương cố định hàng tháng theo hai kỳ. Tiền lương của ông K tương đối ổn định từ tháng 4/2016 đến tháng 12/2016 cụ thể: lương kỳ 1: 4.260.000 đồng, lương kỳ 2: 25.740.000 đồng. Từ tháng 01/2017 đến tháng 3/2017 có tăng lên nhưng không đáng kể, cụ thể: lương kỳ 1: 4.531.000 đồng, lương kỳ 2: 26.569.000 đồng. Lời khai của các đương sự phù hợp với bảng kê chi tiết của ngân hàng A ông K nhận lương của Công ty B qua tài khoản tháng 02 và tháng 3/2017, phù hợp với Quyết định điều chỉnh tăng lương số 76/2016/QĐ-SIAC-TNB ngày 22/12/2016. Công ty B không chứng minh được hàng tháng công ty dựa vào kết quả kinh doanh và mức độ hoàn thành công việc của ông K để tính tiền lương kỳ 2 cho ông K, Công ty B cũng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh tháng 4/2017 ông K không hoàn thành công việc. Do đó, Tòa cấp sơ thẩm buộc Công ty B trả lương kỳ 2 tháng 4/2017 cho ông K số tiền 26.567.900 đồng là có căn cứ.

- Về việc bồi thường chi phí đào tạo:

Ông K được Công ty B cử đi tham dự kỳ thi thẩm định viên về giá theo Quyết định số 52/2014/QĐ-SIAC-TNB ngày 25/9/2014 và Quyết định số 36/2014/QĐ-SIAC-TNB ngày 25/9/2014, thời gian 04 ngày, chi phí đi lại, ăn ở và lệ phí thi do Công ty B chi trả. Tại các quyết định trên có nêu nội dung kể từ ngày nhận thẻ thẩm định viên về giá, các thẩm định viên phải công tác liên tục 03 năm tại công ty. Trường hợp không làm việc thì phải hoàn trả 1,5 lần toàn bộ chi phí tham dự kỳ thi. Tuy nhiên, ông K không thừa nhận biết nội dung này và cũng không nhận được các quyết định nêu trên. Công ty không chứng minh được đã giao các quyết định trên cho ông K trước khi ông K đi thi, không chứng minh được giữa công ty và ông K có thỏa thuận về việc bồi thường chi phí dự thi nếu không làm việc tại công ty liên tục 3 năm. Điều 13 của thỏa ước lao động tập thể có quy định về trường hợp đi học nghề. Tuy nhiên, trường hợp của ông K không phải học nghề mà chỉ là ông K tham gia kỳ thi thẩm định viên về giá. Do đó, Tòa cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về việc yêu cầu nguyên đơn bồi thường chi phí thi thẩm định viên về giá số tiền 17.125.001 đồng là có căn cứ.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

* Xét kháng cáo của nguyên đơn

- Về tiền thuế thu nhập cá nhân năm 2015, năm 2016 và năm 2017

Căn cứ vào Công văn số 10364/CT-TTTH ngày 18/9/2019 thì: Năm 2015, năm 2016, ông Lê Hoàng K có thu nhập tại Công ty cổ phần T3 tin và Thẩm định

giá B, mã số thuế 0310902738 và ủy quyền cho công ty này quyết toán thuế thu nhập cá nhân, số thuế cá nhân phải nộp như sau: Năm 2015: 13.263.750 đồng. Năm 2016: 39.106.480 đồng. Năm 2017, ông Lê Hoàng K có thu nhập tại Công ty cổ phần T3 tin và Thăm định giá B nhưng không nộp hồ sơ quyết toán thuế thu nhập và cũng không ủy quyền quyết toán tại Công ty cổ phần T3 tin và Thăm định giá B có chi trả thu nhập, thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ là 0 đồng.

Căn cứ Tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân của Công ty cổ phần T3 tin và Thăm định giá B năm 2015, năm 2016, 2017 do Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp; Căn cứ các giấy nộp tiền vào Ngân sách nhà nước số 0017406 ngày 07/7/2016, số 0004595 ngày 12/3/2018, số 0020777 ngày 22/11/2018, số 0020778 ngày 22/11/2018, số 0022779 ngày 22/11/2018.

Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xác định Công ty cổ phần T3 tin và Thăm định giá B đã nộp thuế thu nhập cá nhân của ông K năm 2015 là 13.263.750 đồng, năm 2016: 39.106.180 đồng, năm 2017: 0 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn đều xác định thu nhập và thu nhập chịu thuế năm 2015, năm 2016 và năm 2017 của ông K do bị đơn trình bày là chính xác. Ông K cho rằng tiền thuế thu nhập cá nhân đã được trừ vào lương hàng tháng và lương của ông K nhận được là lương sau khi đã trừ thuế thu nhập. Tuy nhiên tại hợp đồng lao động không quy định mức lương nhận là đã trừ thuế và không quy định tiền thuế thu nhập cá nhân phải đóng như thế nào. Ông K cũng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh ông đã nộp thuế thu nhập cá nhân năm 2015, năm 2016 và năm 2017.

Từ những phân tích nêu trên, việc Tòa cấp sơ thẩm buộc ông K phải thanh toán tiền thuế thu nhập cá nhân năm 2015 và năm 2016 số tiền 52.369.930 đồng là có cơ sở, đúng quy định pháp luật.

Riêng đối với thuế thu nhập cá nhân của ông K năm 2017, ông K và Công ty cổ phần T3 tin và Thăm định giá B chưa nộp cho cơ quan thuế. Theo Công văn số 9263/CT-TTHT ngày 07/9/2018 của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh gửi Công ty B thì: "... Việc kê khai nộp thuế thu nhập cá nhân đối với khoản thu chi trả cho ông K phát sinh từ tháng 01/2017 đến tháng 4/2017, ông K không thuộc trường hợp ủy quyền công ty quyết toán thuế TNCN năm 2017 và công ty phải cấp chứng từ khấu trừ thuế để ông K làm căn cứ quyết toán thuế thu nhập cá nhân năm 2017 theo quy định". Như vậy, Công ty cổ phần T3 tin và Thăm định giá B chưa nộp thuế thu nhập cá nhân năm 2017 cho ông K và ông K cũng không ủy quyền cho Công ty nộp thuế thu nhập cá nhân năm 2017 nên việc Công ty B yêu cầu ông K nộp thuế thu nhập cá nhân năm 2017 là không có cơ sở. Công ty B phải có nghĩa vụ cung cấp cho ông K các chứng từ khấu trừ thuế từ tháng 1 đến tháng 4/2017 để ông K tự đến cơ quan thuế có thẩm quyền quyết toán thuế thu nhập cá nhân. Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông K phải hoàn trả cho Công ty B tiền thuế thu

nhập cá nhân năm 2017 số tiền là 21.000.000 đồng là không có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử sửa phần này của bản án sơ thẩm.

- Về án phí lao động sơ thẩm nguyên đơn phải nộp:

Công ty B có đơn phản tố yêu cầu ông K phải thanh toán tiền thuê thu nhập cá nhân năm 2015, năm 2016 và năm 2017 số tiền là 74.327.225 đồng. Tòa sơ thẩm chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty B, buộc ông K có nghĩa vụ trả cho Công ty B tiền thuê thu nhập nêu trên. Từ đó buộc ông K phải chịu án phí lao động sơ thẩm 2.229.816 đồng là đúng quy định tại khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, như đã phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về việc yêu cầu nguyên đơn trả tiền thuê thu nhập cá nhân năm 2015 và năm 2016 là 52.369.930 đồng, không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về việc yêu cầu nguyên đơn trả tiền thuê thu nhập cá nhân năm 2017 là 21.000.000 đồng. Do đó nguyên đơn chỉ phải chịu án phí lao động sơ thẩm là 1.571.098 đồng. Bị đơn phải chịu án phí lao động sơ thẩm đối với yêu cầu nguyên đơn trả tiền thuê thu nhập cá nhân năm 2017 không được hội đồng xét xử chấp nhận. Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa phần án phí lao động sơ thẩm của bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí lao động sơ thẩm:

Ông Lê Hoàng K phải chịu án phí lao động sơ thẩm số tiền là 1.571.098 đồng.

Công ty B phải chịu án phí lao động sơ thẩm trên số tiền lương phải trả cho nguyên đơn là 797.037 đồng và án phí do yêu cầu phản tố không được chấp nhận (chi phí đào tạo nghề: 17.125.000 đồng, thuế thu nhập cá nhân của ông K năm 2017: 21.000.000 đồng) là 1.143.750 đồng

Về án phí lao động phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên Công ty B không phải chịu án phí lao động phúc thẩm

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của ông nguyên đơn, không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn và sửa một phần bản án sơ thẩm.

Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sửa một phần bản án sơ thẩm là có căn cứ nên chấp nhận

Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng nghị, kháng cáo nên có hiệu lực thi hành.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 62, 90, 96, 201, 202 của Bộ luật Lao động năm 2012;

- Căn cứ vào Điều 21, 24 Nghị định 05/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật Lao động;

- Căn cứ vào T3 tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ tài chính hướng dẫn, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn, sửa một phần bản án lao động sơ thẩm số 47/2018/LĐ-ST ngày 08 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hoàng K.

Công ty B có nghĩa vụ trả cho ông Lê Hoàng K số tiền lương là 26.567.900 (Hai mươi sáu triệu năm trăm sáu mươi bảy nghìn chín trăm) đồng và 01 (một) Thẻ thăm định viên về giá tên Lê Hoàng K, số X15.1331 của Bộ tài chính cấp ngày 28 tháng 12 năm 2015.

Việc trả tiền và trả thẻ thực hiện ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi ông Lê Hoàng K có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nói trên, hàng tháng Công ty B còn phải trả thêm một khoản tiền bằng số tiền trả chậm nhân với lãi suất trần huy động tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm trả lương. Khi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam không quy định trần lãi suất thì được tính theo lãi suất huy động tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng của ngân hàng thương mại, nơi doanh nghiệp, cơ quan mở tài khoản giao dịch T3 báo tại thời điểm trả lương.

2. Đình chỉ giải quyết việc ông Lê Hoàng K yêu cầu Công ty B phải trả tiền bảo hiểm xã hội, tiền trợ cấp thất nghiệp, tiền trợ cấp thôi việc, các văn bằng chứng chỉ do ông K đã rút.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của Công ty B.

Ông Lê Hoàng K có nghĩa vụ trả cho Công ty B tiền thuế thu nhập cá nhân của ông K năm 2015; năm 2016 số tiền là 52.369.930 (Năm mươi hai triệu ba trăm sáu mươi chín nghìn chín trăm ba mươi nghìn) đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi Công ty B có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nói trên, hàng tháng ông Lê Hoàng K còn phải chịu khoản tiền lãi của

số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty B về yêu cầu ông Lê Hoàng K phải trả chi phí đào tạo thẩm định viên về giá số tiền là 17.125.001 (Mười bảy triệu một trăm hai mươi lăm nghìn không trăm lẻ một) đồng và yêu cầu ông Lê Hoàng K phải trả thuế thu nhập cá nhân tháng 1, tháng 2 và tháng 3 năm 2017 số tiền là 21.000.000 (Hai mươi một triệu) đồng.

5. Về án phí:

5.1. Về án phí lao động sơ thẩm:

- Ông Lê Hoàng K phải chịu án phí lao động sơ thẩm số tiền là 1.571.098 (Một triệu năm trăm bảy mươi một nghìn không trăm chín mươi tám) đồng.

- Công ty B phải chịu án phí lao động sơ thẩm số tiền là 1.940.787 (Một triệu chín trăm bốn mươi nghìn bảy trăm tám mươi bảy) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.456.500 (Một triệu bốn trăm năm mươi sáu nghìn năm trăm) đồng theo Biên lai thu án phí, lệ phí tòa án số: AA/2018/0016116 ngày 26 tháng 07 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty B phải nộp tiền án phí lao động sơ thẩm số tiền là 484.287 (Bốn trăm tám mươi bốn nghìn hai trăm tám mươi bảy) đồng.

5.2. Về án phí lao động phúc thẩm

Ông Lê Hoàng K và Công ty B không phải chịu án phí lao động phúc thẩm.

Hoàn lại cho Công ty B tiền tạm ứng án phí phúc thẩm số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu án phí, lệ phí tòa án số: AA/2018/0016608 ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Tòa án nhân dân Quận K, TP.HCM;
- Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận K, TP.HCM;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu (T25).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thoa